



ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT

The University of Da Nang - University of Technology and Education

PHƯƠNG PHÁP HỌC TẬP VÀ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC



GV: Trần Lê Nhật Hoàng



TÀI LIỆU

1. Tài liệu bắt buộc:

- **-*Học và dạy cách học***, Nguyễn Cảnh Toàn, Nguyễn Kỳ, Lê Khách Bằng, Vũ Văn Tảo, Nhà xuất bản Đại học Sư phạm, 2004. Sách có tại thư viện Đại học Sư phạm, Trung Tâm TTTL Đại học Đà Nẵng.
- **- *Phương pháp luận nghiên cứu khoa học***, Vũ Cao Đàm, Nhà xuất bản giáo dục, 1997.
- **-*Phương pháp nghiên cứu khoa học***, Nguyễn Văn Tuấn, Phan Long, Võ Thị Ngọc Lan, tài liệu lưu hành nội bộ Đại học Sư phạm Kỹ thuật Tp HCM, 2007. Sách có tại thư viện Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật.

2. Tài liệu tham khảo

- **- *Quá trình dạy - tự học***, Nguyễn Cảnh Toàn, Nhà xuất bản Giáo dục, 1997.
- **- Học khôn ngoan để dẫn đầu**, Olav Schewe, Nhà xuất bản Thế giới, 2017.



ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT

The University of Da Nang - University of Technology and Education

CHƯƠNG I: LÝ THUYẾT VỀ HỌC TẬP



I. KHÁI NIỆM VỀ HỌC


- 1. Học là một quá trình bí ẩn chưa được khám phá

HỌC



I. KHÁI NIỆM VỀ HỌC

- 2. Các quan điểm về học:
 - Tiếp cận căn cứ vào kết quả cuối cùng
 - Tiếp cận về trí tuệ
 - Tiếp cận tổng hợp hai cách trên



HỌC



I. KHÁI NIỆM VỀ HỌC

• 3. Khái niệm khác về học:

- Học là chiếm lĩnh thông tin
- Học là ghi nhớ, lặp lại và thuộc lòng
- Học là quá trình chiếm lĩnh
- Học là quá trình **trừu tượng** hoá, **định hướng**, **định giá trị**
- Học là tạo ra sự biến đổi về **nhận thức**
- Học là biến đổi con người

HỌC

I. KHÁI NIỆM VỀ HỌC

* Tự học

“ Khả năng quý giá giúp con người thành công trong mọi công việc ”





II. LĨNH VỰC HỌC

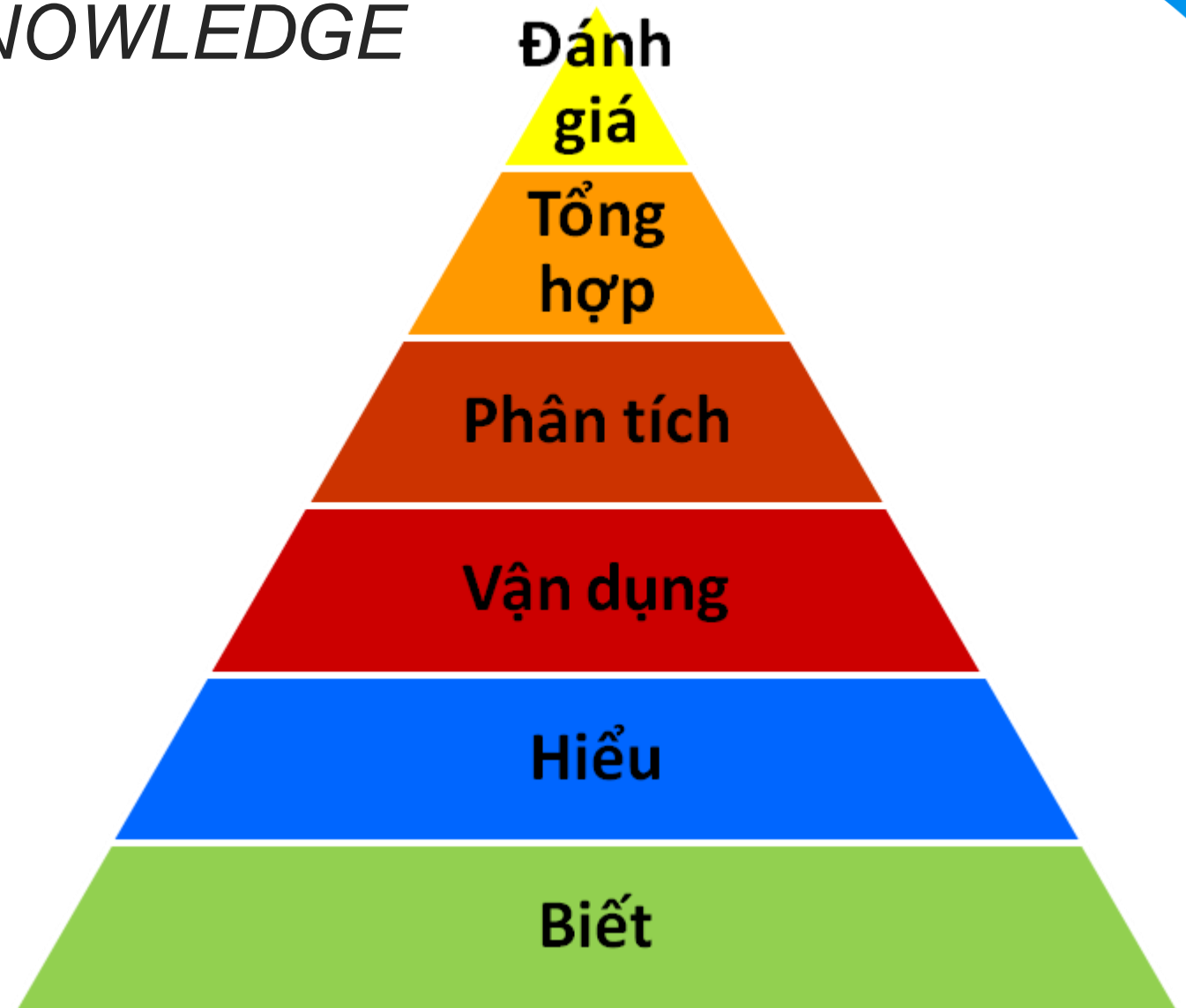
1. Các lĩnh vực học

- Lĩnh vực nhận thức
- Lĩnh vực tâm lý – vận động
- Lĩnh vực tình cảm

II. LĨNH VỰC HỌC

2. Lĩnh vực nhận thức KNOWLEDGE

- a. Nhận biết
- b. Thông hiểu
- c. Ứng dụng
- d. Phân tích
- đ. Tổng hợp
- e. Đánh giá
- f. Chuyển giao
- g. Sáng tạo





II. LĨNH VỰC HỌC

3. *Lĩnh vực tâm lý - vận động SKILL*

- a. Cử động phản xạ
- b. Cử động cơ bản hay tự nhiên
- c. Năng lực tri giác
- d. Năng lực thể chất
- e. Kỹ năng vận động
- f. Kỹ năng giao tiếp phi ngôn ngữ



II. LĨNH VỰC HỌC

4. Lĩnh vực tình cảm *ATTITUDE*

- a. Tiếp nhận
- b. Đáp lại
- c. Giá trị hóa
- d. Tổ chức
- e. Tính cách hóa



II. LĨNH VỰC HỌC

5. Mô hình ba nhóm năng lực Kiến thức – Kỹ năng - Thái độ

- **Kiến thức** (Knowledge): thuộc về năng lực tư duy (Cognitive)
- **Kỹ năng** (Skills): kỹ năng thao tác (Manual or physical)
- **Phẩm chất/Thái độ** (Attitude): thuộc về phạm vi cảm xúc, tình cảm (Affective)



III. CƠ CHẾ HỌC

- *1. Phản xạ có điều kiện*
 - Bản chất của quá trình học là quá trình hình thành các phản xạ có điều kiện
- *2. Biến đổi cấu trúc nhận thức*
 - Chủ thể tự biến đổi mình từ trình độ phát triển hiện tại đến trình độ tiềm tàng
- *3. Quá trình thông tin*
 - Cơ chế học là cơ chế thu nhận và xử lý thông tin



IV. KHÁI NIỆM VỀ HOẠT ĐỘNG HỌC

1. Hoạt động học

- Hoạt động học là tác động của chủ thể đến đối tượng nhằm đạt được mục tiêu nhất định đó là chiếm lĩnh kiến thức, kỹ năng, thái độ.
- Hoạt động học là hoạt động chuyên tái tạo lại tri thức ở người học.
- *Thông thường hoạt động học tự học có ba giai đoạn*
 - **Học cá nhân hay tự nghiên cứu**
 - **Học bạn, học thầy, học hợp tác**
 - **Học từ thông tin phản hồi hay tự kiểm tra, tự điều chỉnh**



IV. KHÁI NIỆM VỀ HOẠT ĐỘNG HỌC

2. *Đối tượng học*

- Nội dung học, vấn đề học hay kiến thức, tri thức

3. *Cách học*

- Tác động của chủ thể đến đối tượng học
- Cách học được rèn luyện và sử dụng trong cả cuộc đời.



IV. KHÁI NIỆM VỀ HOẠT ĐỘNG HỌC

4. *Kỹ năng học*

- Kỹ năng = Cách học \leftrightarrow nội dung

5. *Năng lực học*

- Sự tích hợp tổng thể cách học và kỹ năng tác động đến nội dung trong hàng loạt tình huống- vấn đề khác nhau



V. MỤC TIÊU HỌC

1. Mục đích học

- a. Học để biết/hiểu (*learning to know*)
- b. Học để làm (*learning to do*)
- c. Học để hợp tác – cùng chung sống (*learning to live together*)
- d. Học để khẳng định/hiểu biết bản thân (*learning to be*)



V. MỤC TIÊU HỌC

2. Mục tiêu cụ thể

- *a. Trí thức*
 - Chủ thể biến đổi thông tin (khách quan) thành nhận thức của mình (chủ quan)
- *b. Cách học*
 - Học cách học đi đôi với học tri thức, học nội dung. Cách học thì tồn tại với người học suốt đời.
- *c. Kỹ năng*
 - Chủ thể sử dụng cách học tác động đến nội dung tri thức tạo ra kỹ năng thực hiện được các nhiệm vụ và mục tiêu học.



VI. CHU TRÌNH HỌC

Khái niệm: Chu trình học là 1 quá trình khép kín có bắt đầu và kết thúc

1. Tình huống học

- **Chủ thể** tác động đến **đối tượng học** dưới sự hướng dẫn của **tác nhân** trong một môi trường sư phạm nhằm một **mục tiêu riêng** nhất định
- Tình huống học là một mục tiêu, một vấn đề, một khó khăn mà người học cần phải vượt qua.



VI. CHU TRÌNH HỌC

2. *Chu trình học*

- *a. Tự nghiên cứu*
- *b. Tự thể hiện, hợp tác với bạn và thầy*
- *c. Tự kiểm tra, tự điều chỉnh*



CÂU HỎI THẢO LUẬN CHƯƠNG 1

- 1. Vì sao ở đại học cần phải học hợp tác? Anh/chị đã học hợp tác ở đại học như thế nào? Cho ví dụ minh họa**
- 2. Sau khi thi kết thúc học phần các môn học ở học kì trước đó, kết quả các môn học đã phản hồi cho anh/chị những thông tin như thế nào? Anh/chị sử dụng những thông tin đó như thế nào cho kì học này?**
- 3. Trong các lĩnh vực học, lĩnh vực nào anh/chị thấy cần thiết nhất để có thể học tốt chuyên ngành của mình? Phân tích và cho ví dụ.**



ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT

The University of Da Nang - University of Technology and Education

CHƯƠNG II: HỌC CÁCH HỌC (LEARN HOW TO LEARN)



I. ĐẠI CƯƠNG VỀ CÁCH HỌC

1. *Khái niệm về cách học:*

- Cách học là cách tác động của người học đến đối tượng học.
- Có hai cách học cơ bản:
 - ***một là học có phần bị động từ ngoài ép vào;***
 - ***hai là cách học chủ động, tự bản thân mình tạo nên các phản xạ có điều kiện.***



I. ĐẠI CƯƠNG VỀ CÁCH HỌC

2. *Vài nét về cách học qua các thời đại:*

- Thời đại tiền công nghiệp
- Thời đại công nghiệp
- Thời đại hậu công nghiệp- thế kỷ XXI



I. ĐẠI CƯƠNG VỀ CÁCH HỌC

3. Phân loại cách học:

a) Phân loại theo thái độ

- **Thái độ** → **Hành vi** → **phương pháp**

b) Phân loại theo hoạt động học:

- Tác động trực tiếp
- Tác động qua hợp tác, thể hiện mình
- Tác động qua thông tin phản hồi

Người học phải chuyển từ phương pháp học thụ động sang phương pháp học chủ động



II. CÁC PHƯƠNG PHÁP TỰ HỌC

1. Phương pháp đọc sách và ghi chép

- a. Ý nghĩa của việc đọc sách:
 - Sách là các ấn phẩm không định kỳ có ít nhất **49 trang**
 - Đọc sách thường xuyên và có phương pháp khoa học thì sẽ mở rộng, đào sâu được tri thức mới
 - Sách, đương nhiên là một thứ “**báu vật của đời**”
 - sách kết tinh tất cả những học thuyết làm rung động khối óc, kết tinh mọi khát vọng làm rung động trái tim



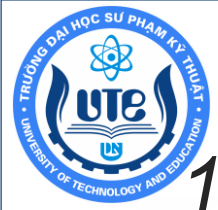


II. CÁC PHƯƠNG PHÁP TỰ HỌC

1. Phương pháp đọc sách và ghi chép

- **b. Lựa chọn sách:**

- mỗi người cần phải biết tự chọn lựa sách cho mình.
- lựa chọn sách cần phải bảo đảm được chiều sâu, vừa bảo đảm chiều rộng của vấn đề cần nghiên cứu.



II. CÁC PHƯƠNG PHÁP TỰ HỌC

1. Phương pháp đọc sách và ghi chép

- **c. Xác định mục đích đọc sách:**

- Tìm hiểu nội dung của toàn bộ cuốn sách
- Tìm hiểu một vấn đề, một khía cạnh nào đó của cuốn sách.
- Sưu tầm tài liệu bổ sung cho những vấn đề hiện nay mình đang nghiên cứu.
- Tìm hiểu định nghĩa, khái niệm về một vấn đề nào đó.
- Thu thập thông tin để giải quyết một vấn đề nào đó...



II. CÁC PHƯƠNG PHÁP TỰ HỌC

1. Phương pháp đọc sách và ghi chép

- **d. Đọc lướt:**
- **đ. Đọc kỹ**
- **e. Đọc nhanh**
- **f. Hiệu quả thông hiểu tài liệu**
- **g. Đọc sách tham khảo bổ sung cũng phải lựa chọn**



II. CÁC PHƯƠNG PHÁP TỰ HỌC

1. Phương pháp đọc sách và ghi chép

- **h. Cách ghi chép khi đọc tài liệu:**
 - Ghi chép kiểu đề cương
 - Ghi chép kiểu trích dẫn
 - Ghi chép theo luận đề
 - Ghi tóm tắt
 - Ghi tự do
 - Ghi kiểu phích

**Không ai có thể tự tin vào trí nhớ của mình
mà không cần ghi chép.**



II. CÁC PHƯƠNG PHÁP TỰ HỌC

2. Phương pháp hỏi

- a. Tự nêu câu hỏi để trả lời:
 - Tự nêu ra câu hỏi và tìm cách trả lời là rất tốt cho việc rèn luyện tư duy
 - Nên đặt các câu hỏi: **“như thế nào”**; **“tại sao”**; **“để làm gì”**



II. CÁC PHƯƠNG PHÁP TỰ HỌC

2. Phương pháp hỏi

b. Hỏi bạn:

- Để nâng cao tính khách quan của vấn đề thì nên được đánh giá, phân tích, bổ sung của cộng đồng lớp học thông qua các hình thức trao đổi cá nhân, thảo luận nhóm, lớp, các hoạt động tập thể

c. Hỏi thầy

Hỏi thầy theo trình tự sau:

- Tự xử lý tình huống, giải quyết vấn đề theo sự hướng dẫn của thầy;
- Chủ động hỏi thầy, nêu lên thắc mắc.



II. CÁC PHƯƠNG PHÁP TỰ HỌC

3. Phương pháp nghe giảng và ghi chép

- **a. Ý nghĩa:**

- Thông qua bài giảng, nội dung học tập được trình bày có hệ thống, theo một trình tự lô gíc chặt chẽ một khối lượng tri thức lớn, phong phú, hiện đại của người dạy cho số lượng lớn người học trong một khoảng thời gian ngắn.

-  phương pháp này làm người học thụ động tiếp thu

- **b. Chuẩn bị nghe giảng**

- Xem lại bài học trước đó
- Nghiên cứu trước bài giảng mới



II. CÁC PHƯƠNG PHÁP TỰ HỌC

3. Phương pháp nghe giảng và ghi chép

- **c. Nghe giảng trên lớp:**

- hoạt động tư duy khá tích cực, khẩn trương
- thái độ, cách nhìn độc lập với bài giảng
- đề xuất ý kiến

- **d. Ghi chép**

- ghi chép có đặc điểm cá nhân
- phải hiểu bài giảng, phân tích, tổng hợp, so sánh, chọn lọc
- *Ghi bài là một nghệ thuật*, cần đảm bảo tính chính xác, ngắn gọn, dễ hiểu.



II. CÁC PHƯƠNG PHÁP TỰ HỌC

3. Phương pháp nghe giảng và ghi chép

- **đ. Xem lại và chỉnh lý bài ghi:**
- bước quan trọng nhất của người học ở các bậc học đại học
- dần dần quen với cách tự học, tự nghiên cứu
- ****Hiệu quả của sự ý thức chăm chú lắng nghe:**
- Giúp bạn rút ngắn thời gian ôn tập sau này.
- Làm bài tập nhanh chóng và dễ dàng hơn.
- Không ngỡ ngàng khi đọc lại các đề cương học tập.
- Biết được trọng tâm, trọng điểm bài học.
- Tự tin và hứng thú khi đi học.



II. CÁC PHƯƠNG PHÁP TỰ HỌC

4. Phương pháp nhớ

- **a. Nhắm lại**

- Nhắm lại thông tin càng nhiều càng giúp bạn nhớ tốt hơn
- Nhắm lại thông tin rải ra có hiệu quả hơn nhắm lại tập trung một lúc
- Việc nhắm lại thông tin chủ động hiệu quả hơn

- **b. Tổ chức**

- Sắp xếp các ý cần nhớ theo một trật tự logic
- Tạo ra khung dàn ý cho sự sắp đặt và nhớ lại các thông tin



II. CÁC PHƯƠNG PHÁP TỰ HỌC

5. Học tập trung cao độ

a. Tập trung cao độ

- Là một kỹ thuật điều khiển tinh thần, giúp con người sử dụng bộ não triệt để, động viên được những năng lượng tiềm ẩn.
- Tập trung tĩnh là ngồi yên (có thể nhắm hay mở mắt) tập trung suy nghĩ vào hơi thở hay một vấn đề nào
- Tập trung động là tập trung suy nghĩ vào một vấn đề (một chủ đề, một công việc) nào đó, đồng thời có thể dùng các động tác để thể hiện vấn đề đó, như nói, viết, cử động.
- *Trong học tập cần kết hợp cả hai loại tập trung tĩnh và động*



II. CÁC PHƯƠNG PHÁP TỰ HỌC

6. Phương pháp sử dụng từ điển

- **a. Khái niệm**
- **b. Phân loại**
- **c. Cách sử dụng từ điển**





II. CÁC PHƯƠNG PHÁP TỰ HỌC

7. *Kỹ năng học ở nhà*

- Cần tìm một chỗ yên tĩnh, tránh tiếng ồn
- Chọn một thời gian học cố định và tạo cho mình thói quen học thời gian đó
- Cần có lịch học thật hợp lý, kết hợp giữa học tập và giải trí
- Phần khó hiểu thì để lại, học những phần khác dễ hiểu hơn, sau khi thư giãn, thoải mái thì học tiếp



ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT

The University of Da Nang - University of Technology and Education

CHƯƠNG III: HỌC MỘT CÁCH HIỆU QUẢ



I. HỌC Ở BẬC ĐẠI HỌC CÓ GÌ KHÁC

1. Sự khác nhau trong cách giảng dạy ở bậc phổ thông và đại học :

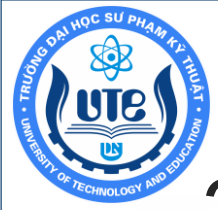
- Ở đại học: Các thầy cô giáo chỉ đóng vai trò là người hướng dẫn sinh viên tìm kiếm tài liệu và nghiên cứu
- Phương pháp học tập ở ĐH: cách học ở ĐH luôn xoay quanh vấn đề:
 - **học tập tích cực** (Active learning),
 - **tự nỗ lực** mà đạt kết quả học tập cao nhất



I. HỌC Ở BẬC ĐẠI HỌC CÓ GÌ KHÁC

1. Sự khác nhau trong cách giảng dạy ở bậc phổ thông và đại học :

- Cách dạy ở ĐH:
 - Tân SV cần hiểu rõ cách dạy của các thầy cô bậc ĐH
 - Thầy cô ở bậc ĐH đóng vai trò là người hướng dẫn, giải đáp thắc mắc
 - Cách học ở ĐH chủ yếu là tự học, tự tìm tài liệu



I. HỌC Ở BẬC ĐẠI HỌC CÓ GÌ KHÁC

2. *Xác định mục tiêu:*

- **a. Phương pháp xác định mục tiêu**
- Mục tiêu chính là động lực thúc đẩy chúng ta đến thành công
- Mục tiêu có ba tác dụng:
 - Dẫn đường cho quyết định và hành động của chúng ta
 - Mục tiêu thúc đẩy chúng ta
 - Mục tiêu giúp giải phóng tiềm năng của chúng ta.



I. HỌC Ở BẬC ĐẠI HỌC CÓ GÌ KHÁC

2. Xác định mục tiêu:

b. Xác định mục tiêu như thế nào

- Một mục tiêu tốt là mục tiêu này phải thông minh (SMART)
- *Specific* (cụ thể): Mục tiêu cần phải được xây dựng rõ ràng và đơn giản.
- *Measurable* (có thể đo lường được): Kết quả phải có khả năng đo lường được.
- *Attainable* (có thể đạt được): Mục tiêu phải vừa sức và có yêu cầu cao hơn mục tiêu đơn giản.
- *Realistic* (thực tế): Mục tiêu phải có khả năng thực hiện được phù hợp thực tế.
- *Time limited* (hạn chế thời gian): Mục tiêu phải có thời gian cuối cùng hoàn thành



I. HỌC Ở BẬC ĐẠI HỌC CÓ GÌ KHÁC

2. *Xác định mục tiêu:*

c. 6 bước xác định mục tiêu hiệu quả

- Viết ra những gì chúng ta muốn một cách cụ thể
- Liệt kê tất cả các lợi ích và những lý do cho việc đạt mục tiêu
- Lên kế hoạch hành động
- Xác định thời hạn
- Tiếp thêm cảm xúc cho mục tiêu
- Lấy đà bằng việc hành động ngay tức khắc



I. HỌC Ở BẬC ĐẠI HỌC CÓ GÌ KHÁC

3. *Những sai lầm sinh viên từng mắc phải:*

- **a. Sai lầm về mục tiêu điểm số**
- **b. Sinh viên thiếu sự độc lập**
- **c. Học một ngành mà bạn không đam mê**
- **d. Khả năng tiếng anh và vi tính kém**
- **e. Thiếu trải nghiệm xã hội**



I. HỌC Ở BẬC ĐẠI HỌC CÓ GÌ KHÁC

4. Quản lý thời gian:

- **Tính thời gian có trong một tuần**
- **Dành thời gian tự học**
- **Tận dụng thời gian chết**
- **Lên kế hoạch**
- **Sắp xếp vật dụng, tổ chức công việc**
- **Chọn việc làm thêm thông minh**

Sinh viên cần phải có chiến lược và phương pháp quản lý thời gian



I. HỌC Ở BẬC ĐẠI HỌC CÓ GÌ KHÁC

5. *Lập kế hoạch học tập:*

- Nhất thiết sinh viên phải lập cho mình một kế hoạch học tập
- Mỗi sinh viên sẽ lập cho mình một kế hoạch học tập riêng.
- Kế hoạch đó có thể thay đổi nếu cần thiết nhưng quan trọng là sinh viên phải tuân thủ kế hoạch đã lập ra.
- Lập kế hoạch cho toàn khóa học



II. CHUẨN BỊ CHO KỲ THI

1. *Tận dụng thời gian để tối đa hóa nỗ lực:*

- Tận dụng triệt để thời gian ngay trước kỳ thi
- Tập trung ngồi học trong những ngày dài và học tập một cách hiệu quả
- *Lưu ý: chỉ với việc học bài, ôn bài đều đặn trong cả học kỳ theo kế hoạch học tập đã lập kết hợp với ôn trước kỳ thi mới là cách học phù hợp, bền vững và hiệu quả nhất.*



II. CHUẨN BỊ CHO KỲ THI

2. *Giải bài tập*

- Áp dụng các kiến thức đã học vào việc giải quyết các vấn đề mới.
- Tập trung giải các bài tập điển hình như là các đề ở các kỳ thi trước hoặc theo hướng dẫn của giảng viên.



II. CHUẨN BỊ CHO KỲ THI

3. Lập kế hoạch tổng thể

- Việc lập kế hoạch tổng thể là một việc làm của người học thông minh
- Có thể quyết định xem cần chọn ưu tiên thời gian cho các môn học khác nhau như thế nào
- Kế hoạch tổng thể có thể bao gồm: Tháng, tuần và thứ.
- *Mỗi sv lập 1 kế hoạch tổng thể của mình*



II. CHUẨN BỊ CHO KỲ THI

4. *Lập kế hoạch cụ thể*

- Cần phải lập kế hoạch cụ thể hơn cho một môn học để chắc chắn người học ôn hết nội dung môn học đó
- Kế hoạch cụ thể bao gồm: ngày, thứ và buổi
- **Mỗi sv lập 1 kế hoạch cụ thể của mình cho kì thi sắp tới**



II. CHUẨN BỊ CHO KỲ THI

5. Chuẩn bị cụ thể cho ngày thi

a. Ngày trước kỳ thi

- Kiểm tra : giấy tờ, các công cụ hỗ trợ được phép mang vào phòng thi
- Đồ ăn và thức uống: ăn uống hợp lý trước khi vào phòng thi
- Trang phục phù hợp với quy định của nhà trường
- Ngủ: ngủ đủ giấc vào đêm trước kỳ thi là hết sức quan trọng
- Địa điểm: đến địa điểm thi sớm, biết rõ phòng thi
- Tâm lý/thái độ: Giữ trạng thái tâm lý tốt.



II. CHUẨN BỊ CHO KỲ THI

5. Chuẩn bị cụ thể cho ngày thi

b. Ngày thi

- Tận dụng tất cả thời gian để làm bài thi, không rời phòng thi sớm. Dành thời gian còn lại để kiểm tra, hoàn thiện câu trả lời.
- Đồ ăn và thức uống: ăn uống hợp lý trước khi vào phòng thi
- Tuân thủ nội quy phòng thi để tránh vi phạm; nếu đã vi phạm thì vui vẻ chấp nhận việc xử lý đúng quy định của người coi thi.



II. CHUẨN BỊ CHO KỲ THI

6. Cách để làm bài thi tốt

a. Bài thi viết

- Để làm một bài thi nói chung và bài thi viết nói riêng tốt cần thực hiện 4 bước sau: **KLVK**
- Lên **K**ế hoạch
- **L**àm rõ
- **V**iết
- **K**iểm tra lại



II. CHUẨN BỊ CHO KỲ THI

6. Cách để làm bài thi tốt

b. Bài thi trắc nghiệm

- Các phương pháp sau đây có thể hữu ích cho bài thi kiểu này:
 - Đọc toàn bộ các phương án. Lựa chọn phương án trả lời đúng nhất
 - Nếu không thể lựa chọn được phương án nào thì bạn hãy bỏ qua
 - Sử dụng phương pháp loại trừ

c. Bài thi được mở sách

- Quan trọng nhất là sinh viên phải biết rõ nội dung tài liệu để có thể tìm ngay thông tin mình cần



III.SAU KỲ THI

1. *Sử dụng kết quả thi*

- Sử dụng kết quả bài thi như là thông tin phản hồi => cải thiện kết quả học tập
- Rút ra kinh nghiệm
- Làm gì để có kết quả tốt hơn ở các lần thi sau



III.SAU KỲ THI

2. *Phúc khảo*

- xem xét kỹ trước khi xin chấm lại bài thi
- có căn cứ rõ ràng là bài làm của mình bị chấm điểm không đúng

3. *Học cải thiện kết quả*

- Phải xem xét nên học và học kỳ nào là có lợi nhất
- Không dựa vào việc học cải thiện để lơ là học tập ngay từ lần đầu
- Hiệu quả nhất là nỗ lực thêm nữa và thành công ngay từ lần thi đầu



IV. ĐỘNG LỰC VÀ THÁI ĐỘ

1. Động lực

a. Động lực

- **Động lực** là thứ khởi nguồn và duy trì hành động
- Động lực là khát khao hoặc là nhu cầu để đạt mục tiêu cụ thể nào đó.
- Động lực có mối quan hệ với kết quả.

b. Phân loại động lực

- Động lực bên trong (kích thích): Làm một việc đó với sự hăng say và niềm đam mê thì là do lúc đó động lực nội tại đang điều khiển
- Động lực bên ngoài (Động cơ kích thích): Là những kích thích bên ngoài đối tượng (khen, thưởng, lợi ích, tự ái...) tác động làm cho chủ thể say mê trong hoạt động.



IV. ĐỘNG LỰC VÀ THÁI ĐỘ

1. Động lực

c. Cách tạo động lực cho bản thân

- Xây dựng động lực bên trong
- Đặt mục tiêu cho bản thân.
- Nghĩ về các cảm giác tích cực khi chinh phục được kiến thức khó hoặc kết quả tốt trong việc học.
- Tự thưởng cho chính mình.
- Xem việc học như một đấu trường cạnh tranh



IV. ĐỘNG LỰC VÀ THÁI ĐỘ

2. Thái độ

- Tin tưởng vào chính bản thân
- Lạc quan
- Làm chủ căng thẳng và lo lắng
- Xây dựng tính tự giác và kỷ luật
- Cần tự mình trả lời các câu hỏi sau đây:
 - *Học cho ai?*
 - *Tại sao phải học giỏi?*
 - *Những năm học ở trường đại học có ý nghĩa như thế nào đối với bản thân?*



ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT

The University of Da Nang - University of Technology and Education

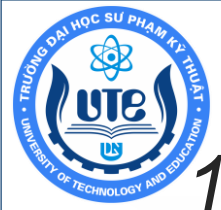
CHƯƠNG IV: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KHOA HỌC VÀ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC



I. KHÁI NIỆM KHOA HỌC

1. *Khái niệm:*

- Khoa học là hệ thống các tri thức về tự nhiên, xã hội và tư duy phù hợp với quy luật phát triển khách quan của tự nhiên xã hội và tư duy
- Khoa học còn được hiểu là một hoạt động xã hội nhằm tìm tòi, phát hiện qui luật, hiện tượng và vận dụng các quy luật ấy để sáng tạo ra nguyên lý, các giải pháp tác động vào các sự vật, hiện tượng nhằm biến đổi trạng thái của chúng.
- Khoa học là quá trình nghiên cứu nhằm khám phá ra những kiến thức mới, học thuyết mới, ... về tự nhiên và xã hội.



I. KHÁI NIỆM KHOA HỌC

1. *Khái niệm:*

- Hai hệ thống tri thức: Tri thức kinh nghiệm và tri thức khoa học
- Tri thức kinh nghiệm: là những hiểu biết được tích lũy qua hoạt động sống hàng ngày trong mối quan hệ giữa con người với con người và giữa con người với thiên nhiên.
- Tri thức khoa học: là những hiểu biết được tích lũy một cách có hệ thống nhờ hoạt động NCKH, các hoạt động này có mục tiêu xác định và sử dụng phương pháp khoa học.



I. KHÁI NIỆM KHOA HỌC

2. Ý nghĩa của khoa học:

- Khoa học là động lực thúc đẩy sự phát triển xã hội, làm cho con người ngày càng văn minh hơn, nhân ái hơn, sống tốt hơn và vững tin vào chính bản thân mình.
- Con người hiểu biết về tự nhiên, biết được các qui luật biến đổi, chuyển hoá của vật chất, chinh phục tự nhiên theo quy luật của nó.
- Khoa học chân chính chống lại những quan điểm sai trái (mê tín, dị đoan, phân biệt chủng tộc...)
- Khoa học làm giảm nhẹ đi lao động của con người, cải thiện chất lượng cuộc sống.



I. KHÁI NIỆM KHOA HỌC

3. Sự hình thành và phát triển của bộ môn khoa học:

- Các bộ môn khoa học được hình thành dựa trên sự phát hiện mới về những quy luật tự nhiên và xã hội.
- Một khoa học được thừa nhận khi đáp ứng các tiêu chí sau:
 - *Tiêu chí 1: Có đối tượng nghiên cứu*
 - *Tiêu chí 2: Có một hệ thống lý thuyết*
 - *Tiêu chí 3: Có hệ thống phương pháp luận nghiên cứu*
 - *Tiêu chí 4: Có mục đích ứng dụng*



II. KHÁI NIỆM NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

1. *Nghiên cứu khoa học*

- một loại lao động của con người nhằm tìm ra lời giải đáp cho tình huống có vấn đề, là quá trình tìm ra những tri thức khoa học mới
- một hoạt động tìm kiếm, xem xét, điều tra, hoặc thử nghiệm
- phải có kiến thức nhất định về lĩnh vực nghiên cứu và cái chính là phải rèn luyện cách làm việc tự lực, có phương pháp từ lúc ngồi trên ghế nhà trường
- “nghiên cứu” được hiểu là một quá trình quan sát kỹ càng, thu thập thông tin chính xác, tìm hiểu có hệ thống và chi tiết, để có hiểu biết sâu sắc, đầy đủ hơn về một vấn đề nào đó, một sự kiện nào đó, một đối tượng nào đó.



II. KHÁI NIỆM NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

2. Những công việc của nghiên cứu khoa học

a. Thu thập dữ liệu/Tài liệu

- *Mục đích của thu thập và nghiên cứu tài liệu:*
 - biết rõ các phương pháp của các nghiên cứu thực hiện trước đây
 - làm rõ hơn đề tài nghiên cứu của mình
 - giúp người nghiên cứu có phương pháp luận hay luận cứ chặt chẽ hơn
 - có thêm kiến thức về lĩnh vực đang nghiên cứu
 - tránh trùng lặp với các nghiên cứu trước đây, do đó đỡ tốn thời gian, công sức và tài lực, vật lực.
 - giúp người nghiên cứu xây dựng luận cứ để chứng minh giả thuyết NCKH.



II. KHÁI NIỆM NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

2. Những công việc của nghiên cứu khoa học

b. Sắp xếp dữ liệu/Tài liệu

- Cần sắp xếp chúng theo hệ thống, thứ, loại; bỏ bớt các dữ liệu không cần thiết hoặc quyết định bổ sung thêm dữ liệu mới.
- Tài liệu sơ cấp: Đây là loại tài liệu mà người nghiên cứu tự thu thập, phỏng vấn trực tiếp hoặc nguồn tài liệu cơ bản còn ít hoặc chưa được chú giải. Dữ liệu sơ cấp đáp ứng tốt nhu cầu nghiên cứu, tuy nhiên việc thu thập dữ liệu sơ cấp lại thường phức tạp, tốn kém.
- Tài liệu thứ cấp: loại tài liệu này có nguồn gốc từ tài liệu sơ cấp đã được phân tích giải thích, thảo luận... Ví dụ như: sách tham khảo, tạp chí, báo cáo khoa học, luận văn...



II. KHÁI NIỆM NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

2. Những công việc của nghiên cứu khoa học

- *c. Xử lý dữ liệu*
 - Đây là công việc quan trọng nhất, giá trị nhất của nghiên cứu khoa học.
 - Tư duy khoa học bắt đầu từ giai đoạn này
- *d. Khái quát hóa*
 - *Khái quát* hoá toàn bộ công trình, rút ra kết luận chung cho đề tài nghiên cứu.



II. KHÁI NIỆM NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

3. Các đặc trưng của nghiên cứu khoa học

- *Có tính mục đích*
- *Tính mới mẻ*
- *Tính tin cậy*
- *Tính khách quan*
- *Tính rủi ro*
- *Tính kế thừa*



II. KHÁI NIỆM NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

4. Yêu cầu đối với người nghiên cứu khoa học

- *a. Có trình độ chuyên môn*
 - muốn nghiên cứu khoa học thì người nghiên cứu phải có trình độ học vấn nào đó
- *b. Có khả năng làm việc khoa học*
- *c. Có các đức tính của nhà khoa học chân chính*



II. KHÁI NIỆM NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

5. Các loại hình nghiên cứu khoa học

- *a. Phân loại theo chức năng NCKH*
 - Nghiên cứu mô tả
 - Nghiên cứu giải thích
 - Nghiên cứu dự báo
 - Nghiên cứu giải pháp
- *b. Phân loại dựa trên trình độ khái quát của kết quả*
 - Nghiên cứu cơ bản
 - Nghiên cứu ứng dụng
 - Nghiên cứu triển khai



ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT

The University of Da Nang - University of Technology and Education

CHƯƠNG V: QUY TRÌNH NGHIÊN CỨU KHOA HỌC



I. LOGIC CỦA NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

1. *Logic:*

- **Logic** của nghiên cứu khoa học là quy trình công nghệ của việc nghiên cứu một đề tài khoa học, là một hoạt động được tổ chức đặc biệt, với một logic tiến hành nghiêm ngặt.
- Logic nghiên cứu khoa học là logic của sự phức hợp, biến đổi bởi những đặc trưng khách quan của đối tượng nghiên cứu; là hoạt động trí tuệ đặc thù; tuân thủ các quy định chung và mang tính sáng tạo.
- Hiệu quả của nghiên cứu khoa học phụ thuộc rất lớn vào việc tổ chức hợp lý các giai đoạn thực hiện.



I. LOGIC CỦA NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

2. Cấu trúc Logic của NCKH:

- **Quy trình nghiên cứu một đề tài khoa học bao gồm các bước như sau:**
 - Phát hiện vấn đề nghiên cứu và xác định bản chất của vấn đề biểu hiện trong thực tiễn
 - Đánh giá mức độ của vấn đề nghiên cứu, phân tích các quan điểm, luận điểm và các lí thuyết khoa học liên quan.
 - Phát triển vấn đề lên thành đề tài nghiên cứu, nêu ra các nhiệm vụ cụ thể.
 - Thiết lập các giả thuyết khoa học và các định hướng để giải quyết vấn đề do thực tiễn đặt ra.



I. LOGIC CỦA NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

2. Cấu trúc Logic của NCKH:

- **Quy trình nghiên cứu một đề tài khoa học bao gồm các bước như sau:**
 - Đề xuất các phương thức kiểm nghiệm giả thuyết một cách khách quan.
 - Phân tích các luận chứng, các cứ liệu
 - Dự kiến việc ứng dụng của đề tài nghiên cứu.
 - Khái quát các ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài.



II. TRÌNH TỰ CỦA LOGIC NCKH

1. *Phát hiện vấn đề:*

- Từ các hoạt động thực tiễn và nhu cầu nhận thức của người nghiên cứu
- Từ các câu hỏi nhận thức từ lý luận và thực tiễn của vấn đề.
- Nghiên cứu các tài liệu, văn bản, xin ý kiến giáo viên hướng dẫn, các chuyên gia



II. TRÌNH TỰ CỦA LOGIC NCKH

2. *Xây dựng giả thuyết:*

- Xây dựng luận đề, xây dựng giả thuyết, tìm luận cứ, chứng minh luận đề

3. *Kiểm chứng giả thuyết:*

- Xác định luận chứng, cơ sở lý luận,
- Xây dựng luận cứ thực tiễn.

4. *Lựa chọn giải pháp tối ưu:*

- Phân tích kết quả xử lý thông tin, khái quát hoá vấn đề nghiên cứu
- Lựa chọn giải pháp tối ưu.



III. TRÌNH TỰ THỰC HIỆN ĐỀ TÀI KHOA HỌC

1. Giai đoạn chuẩn bị:

a. Xác định (lựa chọn) đề tài nghiên cứu

- Xác định được đề tài một cách đúng đắn là nhận thức khoa học đầu tiên có ý nghĩa quyết định đối với kết quả nghiên cứu.
- Đề tài nghiên cứu phải đáp ứng yêu cầu của cuộc sống và thực tiễn phát triển khoa học, kỹ thuật; phải có tính chất mới mẻ, cấp thiết, hướng vào vấn đề chưa được giải quyết



III. TRÌNH TỰ THỰC HIỆN ĐỀ TÀI KHOA HỌC

1. Giai đoạn chuẩn bị:

- *b. Soạn đề cương nghiên cứu*
 - Lập đề cương nghiên cứu là công việc phức tạp, khó khăn vì đây là bản trình bày cấu trúc về nội dung công trình nghiên cứu khoa học bao gồm các chi tiết cụ thể
- *c. Lập kế hoạch nghiên cứu*
 - Kế hoạch nghiên cứu là văn bản trình bày kế hoạch dự kiến triển khai đề tài về tất cả các phương diện: Nội dung công việc, thời gian cho từng công việc, nhân lực thực hiện



III. TRÌNH TỰ THỰC HIỆN ĐỀ TÀI KHOA HỌC

2. Giai đoạn triển khai:

- *a. Lập thư mục các tài liệu liên quan đến đề tài nghiên cứu*
 - tham khảo tài liệu các công trình nghiên cứu khác gần với đề tài nghiên cứu
- *b. Nghiên cứu lịch sử vấn đề nghiên cứu*
 - Nghiên cứu đầy đủ các tài liệu, công trình nghiên cứu khoa học liên quan trực tiếp hay gián tiếp đến đề tài để làm tổng quan về vấn đề nghiên cứu



III. TRÌNH TỰ THỰC HIỆN ĐỀ TÀI KHOA HỌC

2. Giai đoạn triển khai:

- *c. Xây dựng cơ sở lý thuyết của đề tài nghiên cứu*
 - Xây dựng cơ sở lý thuyết là tìm ra chỗ dựa lý thuyết cho đề tài.
- *d. Phát hiện thực trạng của đối tượng bằng phương pháp NC thực tiễn*
 - Các tài liệu, dữ liệu thu thập được từ các phương pháp nghiên cứu thực tiễn được xử lý cho ra những tài liệu khách quan về đối tượng
- *đ. Chứng minh giả thuyết*
 - Kết quả nghiên cứu lý thuyết và thực tế giúp người nghiên cứu chứng minh giả thuyết khoa học đã đề xuất ban đầu



III. TRÌNH TỰ THỰC HIỆN ĐỀ TÀI KHOA HỌC

3. Giai đoạn viết công trình nghiên cứu :

a. Những vấn đề chung (chương 1)

- Lý do chọn đề tài
- Mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu
- Khách thể và đối tượng nghiên cứu
- Giả thuyết khoa học
- Giới hạn đề tài
- Những đóng góp mới cũng như ý nghĩa lý luận và thực tiễn của đề tài
- Cơ sở phương pháp luận và các phương pháp nghiên cứu tương ứng với các mục tiêu nhiệm vụ nghiên cứu.



III. TRÌNH TỰ THỰC HIỆN ĐỀ TÀI KHOA HỌC

3. Giai đoạn viết công trình nghiên cứu :

- *b. Giải quyết vấn đề*

- Phần này trình bày toàn bộ các kết quả nghiên cứu lý thuyết và thực tiễn của đề tài.
- Phần này có thể được trình bày trong 2 hoặc 3 chương

- *c. Kết luận*

- Tóm tắt toàn bộ các kết quả quan trọng mà công trình nghiên cứu đã phát hiện được, bao gồm cả lý thuyết lẫn thực tiễn.
- Trình bày ý kiến, tự nhận xét và kết luận của người nghiên cứu.
- Đề xuất ứng dụng kết quả nghiên cứu.
- Kiến nghị cho việc nghiên cứu tiếp theo



III. TRÌNH TỰ THỰC HIỆN ĐỀ TÀI KHOA HỌC

3. Giai đoạn viết công trình nghiên cứu :

- *d. Danh mục tài liệu tham khảo và phần phụ lục*
 - Phần danh mục các tài liệu tham khảo được trình bày theo thứ tự ABC, họ và tên tác giả, *tên tài liệu*, nhà xuất bản, năm xuất bản.
 - Các bản phụ lục nếu có
 - Mục lục

4. *Nghiệm thu bảo vệ*

- Tùy cấp độ nghiên cứu của đề tài mà quy trình và thủ tục nghiệm thu, bảo vệ khác nhau.



ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT

The University of Da Nang - University of Technology and Education

CHƯƠNG VI:
ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU VÀ SOẠN
ĐỀ CƯƠNG NGHIÊN CỨU



I. KHÁI NIỆM VỀ ĐỀ TÀI NCKH

1. *Khái niệm:*

- Đề tài là một hình thức tổ chức NCKH do một người hoặc một nhóm người thực hiện.
- *Vấn đề nghiên cứu:*
 - Việc phát hiện và chọn vấn đề nghiên cứu là việc làm rất công phu
 - Vấn đề nghiên cứu thường diễn đạt dưới dạng câu hỏi hay một câu phát biểu dưới dạng mô tả.
 - Vấn đề nghiên cứu được cấu trúc thành một loạt các câu hỏi trọng tâm (bản chất của vấn đề) và các câu hỏi phụ



I. KHÁI NIỆM VỀ ĐỀ TÀI NCKH

1. *Khái niệm:*

- *Đặc trưng của vấn đề nghiên cứu:*
 - Là sự kiện hay một hiện tượng mới chưa ai biết, một mâu thuẫn hay một vướng mắc cản trở trong lý luận và thực tiễn mà các kiến thức đã có của xã hội không thể giải đáp được.
 - Vấn đề nếu được giải quyết sẽ cho một thông tin mới có giá trị khoa học hoặc làm cơ sở cho các hoạt động thực tiễn.
 - Mối liên hệ giữa đề tài khoa học và vấn đề nghiên cứu khoa học



I. KHÁI NIỆM VỀ ĐỀ TÀI NCKH

2. Cách thức phát hiện vấn đề nghiên cứu:

- Quá trình nghiên cứu, đọc và thu thập tài liệu
- Trong các hội nghị chuyên đề, báo cáo khoa học, kỹ thuật
- Trong mối quan hệ giữa con người với con người, con người với tự nhiên, qua hoạt động thực tế lao động sản xuất, yêu cầu kỹ thuật
- Qua những thông tin bức xúc, lời nói phàn nàn nghe được qua các cuộc nói chuyện từ những người xung quanh
- Qua tình cờ quan sát các hiện tượng của tự nhiên, các hoạt động xảy ra trong xã hội hàng ngày.
- Tính tò mò



I. KHÁI NIỆM VỀ ĐỀ TÀI NCKH

3. Đặc điểm của đề tài nghiên cứu khoa học:

• a. Tính mới mẻ

- từ trước đến giờ chưa có ai nghiên cứu
- phát hiện ra khía cạnh mới, làm rõ các nội dung, phát hiện ra vấn đề mới
- hoàn cảnh mới, điều kiện mới, yêu cầu mới
- Đề tài dẫn đến kết quả nghiên cứu có đóng góp mới



I. KHÁI NIỆM VỀ ĐỀ TÀI NCKH

3. Đặc điểm của đề tài nghiên cứu khoa học:

b. Tính thực tiễn

- Nội dung đề tài phải có thật, xuất phát từ thực tế khách quan.
- Đề tài phải đáp ứng yêu cầu thực tiễn, phải gắn liền với thực tiễn
- Độ phức tạp của đề tài nghiên cứu khoa học
- Độ khó của đề tài phụ thuộc vào cá nhân và mang tính chủ quan của người nghiên cứu.



I. KHÁI NIỆM VỀ ĐỀ TÀI NCKH

- Một đề tài nghiên cứu được đánh giá là tốt khi:
 - Có phạm vi giới hạn
 - Có tính mới và độc đáo
 - Xử lí vấn đề tương đối trọn vẹn
 - Thể hiện bằng một bản báo cáo kết quả nghiên cứu



I. KHÁI NIỆM VỀ ĐỀ TÀI NCKH

- Lưu ý những điểm khi chọn đề tài:
 - khả năng thực địa;
 - khả năng truy cập các nguồn thông tin, tài liệu chuyên ngành;
 - sự hỗ trợ của các chuyên gia và nhà chuyên môn;
 - các điều kiện, phương tiện, thiết bị nghiên cứu;
 - những thói quen, yêu cầu, xu hướng về chuyên môn và quản lí;



I. KHÁI NIỆM VỀ ĐỀ TÀI NCKH

4. Tựa đề tài nghiên cứu:

Rõ ràng và cô đọng nội dung

- tên đề tài phải đơn nghĩa, không gây nhầm lẫn, ít chữ nhất nhưng chứa đựng lượng thông tin nhiều nhất
- cố gắng đặt tựa đề với một thông điệp mới

Không nên:

- viết tựa đề theo kiểu phát biểu
- sử dụng viết tắt trong tựa đề bài báo
- viết tựa đề theo kiểu nghịch lí
- quá dài hay nhiều chữ



I. KHÁI NIỆM VỀ ĐỀ TÀI NCKH

4. Tựa đề tài nghiên cứu:

- Lưu ý:
 - Không lạm dụng những từ chỉ mục đích
 - Không Lạm dụng mỹ từ hoặc cách nói bóng bẩy
 - Không thể hiện tình cảm, thiên kiến, quan điểm
 - Không diễn đạt quá dễ dãi, đòi hỏi ít tư duy sâu sắc.



I. KHÁI NIỆM VỀ ĐỀ TÀI NCKH

5. Các nghiên cứu khác không hoàn toàn mang tính NCKH:

- Dự án
- Đề án
- Chương trình



II. ĐỀ CƯƠNG NCKH

1. Lý do chọn đề tài:

- Những lý do khách quan, chủ quan nào khiến người nghiên cứu chọn vấn đề này để nghiên cứu

2. Mục tiêu, nhiệm vụ nghiên cứu

- Nhiệm vụ nghiên cứu là mục tiêu cụ thể mà đề tài phải thực hiện.
- Mục tiêu nghiên cứu: là thực hiện một vấn đề gì đó hoặc hoạt động cụ thể, rõ ràng nào đó mà người nghiên cứu sẽ hoàn thành theo kế hoạch đã đặt ra trong nghiên cứu.



II. ĐỀ CƯƠNG NCKH

3. Khách thể và đối tượng nghiên cứu:

- Mỗi lĩnh vực khoa học phải chọn cho mình một bộ phận, một phần nào đó để tập trung khám phá tìm tòi, đó chính là xác định khách thể nghiên cứu
- Đối tượng nghiên cứu là sự vật, hiện tượng hoặc một mối quan hệ được chọn để nghiên cứu.
- Nhiệm vụ nghiên cứu vừa phải, rõ ràng và cụ thể, phù hợp với thời gian và điều kiện cho phép.



II. ĐỀ CƯƠNG NCKH

4. Giả thuyết nghiên cứu:

- Giả thuyết là câu trả lời ướm thử hoặc là sự tiên đoán để trả lời cho câu hỏi hay “vấn đề” nghiên cứu.
- Vì sao cần có giả thuyết trong NCKH?
- Giả thuyết không thể được đặt ra một cách tùy tiện
- Mỗi giả thuyết luôn đi kèm với một điều kiện giả định



II. ĐỀ CƯƠNG NCKH

4. Giả thuyết nghiên cứu:

- *Cấu trúc của 1 giả thuyết:*
 - **Cấu trúc có mối quan hệ “nhân-quả”**
 - **Cấu trúc “Nếu-vậy thì”**
- *Cách đặt giả thuyết*
 - Giả thuyết này có thể tiến hành thực nghiệm được không?
 - Các biến hay các yếu tố nào cần được nghiên cứu?
 - Phương pháp thí nghiệm nào được sử dụng trong nghiên cứu?
 - Các chỉ tiêu nào cần đo đạt trong suốt thí nghiệm?
 - Phương pháp xử lý số liệu nào mà được dùng để kiểm chứng giả thuyết?



II. ĐỀ CƯƠNG NCKH

4. Giả thuyết nghiên cứu:

- *Đặc điểm của một giả thuyết hợp lý:*
 - Giả thuyết đặt ra phải phù hợp và dựa trên quan sát hay cơ sở lý thuyết hiện tại
 - Giả thuyết đặt ra có thể làm sự tiên đoán để thể hiện khả năng đúng hay sai
 - Giả thuyết đặt ra có thể làm thí nghiệm để thu thập số liệu, để kiểm chứng hay chứng minh giả thuyết
- *Giả thuyết nghiên cứu có tính đa phương án*



II. ĐỀ CƯƠNG NCKH

5. Các loại giả thuyết thường gặp trong nghiên cứu:

- *Giả thuyết mô tả*
- *Giả thuyết giải thích*
- *Giả thuyết xu hướng (giả thuyết về quy luật)*



II. ĐỀ CƯƠNG NCKH

6. Phương pháp nghiên cứu:

- Phương pháp nghiên cứu tài liệu.
- Phương pháp quan sát.
- Phương pháp thu thập ý kiến bằng bảng câu hỏi.
- Phương pháp phỏng vấn sâu.
- Phương pháp thống kê toán học.
- Phương pháp chuyên gia.
- Phương pháp đàm thoại



II. ĐỀ CƯƠNG NCKH

7. *Dàn ý nội dung công trình nghiên cứu:*

- Dàn ý nội dung phụ thuộc vào đặc thù của vấn đề nghiên cứu

8. Tài liệu tham khảo

- Các tài liệu được liệt kê có chọn lọc phù hợp với phạm vi của đề tài nghiên cứu.

9. *Kế hoạch nghiên cứu*

- *Kế hoạch* về các công việc cần phải thực hiện để hoàn thành công trình nghiên cứu trong một thời gian nhất định.



- **Giả sử bạn đang làm 1 đề tài nckh trong ngành học của mình, các bạn hãy thực hiện các vấn đề sau:**
- **1. Viết tên đề tài nghiên cứu**
- **2. Tính cấp thiết/Lý do chọn đề tài**
- **3. Mục tiêu/Nhiệm vụ nghiên cứu**
- **4. Giả thuyết của đề tài**
- **5. Giới hạn đề tài**
- **6. Kế hoạch thực hiện và phân công công việc**



ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT

The University of Da Nang - University of Technology and Education

CHƯƠNG VII:
CÔNG BỐ VÀ TRÌNH BÀY
CÁC KẾT QUẢ
NGHIÊN CỨU KHOA HỌC



I. KHÁI NIỆM CHUNG

1. Công bố kết quả:

- Công bố kết quả là trình bày, đăng tải sản phẩm NCKH trên các tạp chí và ấn phẩm khoa học.

2. Mục đích của công bố kết quả:

- Công bố bản quyền của tác giả.
- Giới thiệu những thành tựu khoa học mới, để các cá nhân và tổ chức khác có thể nghiên cứu ứng dụng.
- Thực hiện một yêu cầu kết thúc một công trình NC hay một khóa học, bậc học.

3. Các loại ấn phẩm

- bài báo khoa học, chuyên khảo khoa học, đề án tốt nghiệp, luận văn, luận án.



II. CÁC LOẠI KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

1. *Bài báo khoa học*

2. *Luận văn khoa học*

- *a. Tiểu luận*
- *b. Khóa luận tốt nghiệp*
 - **Khoá luận** tốt nghiệp của sinh viên các ngành khoa học xã hội và nhân văn, cũng như **đồ án** tốt nghiệp của sinh viên các ngành kỹ thuật, là một công trình khoa học tập sự của sinh viên.



III. BỐ CỤC CHUNG CỦA KHÓA LUẬN

1. Phần thủ tục:

- Bìa chính
- Bìa phụ
- Lời cảm ơn
- Lời nói đầu
- Mục lục
- Kí hiệu viết tắt
- Trang chỉ mục



III. BỐ CỤC CHUNG CỦA KHÓA LUẬN

2. Phần mở đầu:

- Phần này trình bày vắn tắt nhưng đầy đủ nội dung sau đây:
 - Lý do nghiên cứu
 - Lịch sử nghiên cứu
 - Mục tiêu nghiên cứu
 - Mẫu khảo sát
 - Phạm vi nội dung nghiên cứu
 - Lựa chọn khoảng thời gian đủ để quan sát biến động của sự kiện



III. BỐ CỤC CHUNG CỦA KHÓA LUẬN

2. Phần mở đầu:

- *Phần này trình bày vắn tắt nhưng đầy đủ nội dung sau đây:*
 - Trong nghiên cứu này các câu hỏi nào cần được trả lời?
 - Luận điểm của tác giả tức giả thuyết nghiên cứu: Đây là tóm tắt linh hồn của khóa luận, là phần cốt lõi, tinh túy của khóa luận. Trình bày gọn trong 2-3 dòng
 - Phương pháp chứng minh luận điểm của tác giả, tức giả thuyết nghiên cứu: Phần này rất quan trọng, vì sự thuyết minh phương pháp đầy đủ và rõ ràng chính là sự đảm bảo cho độ tin cậy của kết quả nghiên cứu.



III. BỐ CỤC CHUNG CỦA KHÓA LUẬN

3. Phần trình bày nội dung nghiên cứu, kết quả nghiên cứu:

- *Phần này có thể sắp xếp một chương hoặc một số chương:*
 - Luận cứ lý thuyết: thường gọi là cơ sở lý luận là các luận cứ lấy từ lý thuyết của các tác giả đi trước để chứng minh luận điểm khoa học của tác giả.
 - Luận cứ thực tiễn: thu được từ kết quả quan sát, phỏng vấn hoặc thực nghiệm
 - Kết quả đạt được về mặt lý thuyết và kết quả áp dụng.
 - Thảo luận, bình luận kết quả và nêu những chỗ mạnh, chỗ yếu của quan sát và thực nghiệm, những nội dung chưa được giải quyết hoặc mới phát sinh



III. BỐ CỤC CHUNG CỦA KHÓA LUẬN

4. Tóm tắt, kết luận và khuyến nghị:

- Phần này có thể sắp xếp một chương hoặc một số chương

5. Tài liệu tham khảo [1]

6. Phần phụ đính

7. Cách đánh số chương mục của khóa luận